

Những Lời Khai Thị Trí Huệ Trong Kinh Kim Cang

Chủ Đề 867: Hết Thấy Việc Trì Giới, Tu Phước, Lục Độ, Thập Nguyện, Càng Thêm Tinh Tấn, Lấy Việc Trải Qua Mọi Sự Việc Để Rèn Luyện Tâm

Chủ giảng: Pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Tháng 05 năm 1995

Địa điểm: Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Singapore

Trích lục từ: Báo cáo nghiên cứu Kim Cang Bát Nhã (Tập 073)

Chuyển ngữ: Tịch Minh



【Hết thấy việc trì giới, tu phước, Lục độ, Thập nguyện, càng thêm tinh tấn, lấy việc trải qua mọi sự việc để rèn luyện tâm.】

“Trì giới” ở đây mang nghĩa rộng, chính là tuân thủ luật pháp. Tất cả những lời giáo giới của Đức Thế Tôn, chúng ta đã thấu rõ, đã tiếp nhận rồi, thì phải biết tuân giữ. Tất cả mọi luật pháp, quy ước, đạo đức, phong tục tập quán của thế gian, chúng ta cũng đều phải tuân thủ. Bởi vì thân thể chúng ta chưa rời khỏi thế gian này, vẫn phải chung sống với đại chúng trong xã hội, muốn chung sống hòa mục thì nhất định phải tuân thủ luật pháp, phải tôn trọng người khác. Chúng ta đến quốc gia nào, thì phải tuân thủ luật pháp của quốc gia đó, tuân thủ phong tục tập quán của họ, có như vậy thì chung sống với họ mới được hòa thuận. “Trì giới” ở chỗ này là mang nghĩa rộng, chứ không phải nghĩa hẹp. “Tu phước” là phải đoạn ác tu thiện, Lục độ và Thập nguyện chính là cương mục cụ thể của việc trì giới, tu phước. Phải tu “Bồ thí”, bồ thí chính là buông xuống, là xả bỏ. Thân tâm, thế giới thấy đều buông xuống, để cho tâm thanh tịnh hiện tiền. Có thể thời thời khắc khắc giữ gìn tâm thanh tịnh, đây mới chính là đệ tử Phật, đây mới gọi là học Phật, Phật chính là tâm thanh tịnh. “Trì giới” là giữ luật pháp, phép tắc. “Nhẫn nhục” là có tính kiên nhẫn, phải biết quan sát thời tiết nhân duyên, phải có khả năng biết chờ đợi. Phật nhìn thấy hết thấy chúng sanh, khi nào cơ duyên đến thì đều có thời điểm định sẵn; khi thời cơ chưa chín muồi, Ngài rất mực kiên nhẫn để chờ đợi. Chúng sanh ngay tại thời điểm này, chính là lúc đang mê hoặc điên đảo, đánh thức không tỉnh, chấp mê bất ngộ, vậy thì cứ mặc kệ họ, để họ tạo nghiệp, để họ chịu quả báo. Khi quả báo sắp thọ tận, hết khổ thì vui đến (khổ tận cam lai), họ mới có đôi chút giác ngộ. Nếu họ không ném trải trận đại khổ đó, họ sẽ không chịu quay đầu, không thể giác ngộ.

Phải đợi đến lúc họ chịu hết mọi nỗi khổ, sinh tâm hối lỗi, khi ấy cơ duyên chín muồi, Phật Bồ Tát liền đến, đến để giúp đỡ họ. Hiện tại họ đang chấp mê bất ngộ, nên Phật Bồ Tát chưa đến. Chúng ta phải có khả năng nhìn thấu được sự thật này, biết được hiện tại bản thân mình nên làm những việc gì, không nên làm những việc gì, đây chính là trí huệ, như vậy mới gọi là như pháp.

“Tĩnh tấn” chính là tiến bộ; không những tiến bộ, mà phải “nhất môn thâm nhập” (thâm nhập một môn), như thế mới gọi là “tĩnh”. Tĩnh là tĩnh thuần, thuần mà không tạp gọi là tĩnh. Chứ không phải như người bình thường tiến bộ một cách loạn xạ, vậy là sai rồi; tiến một cách tạp nhạp thì cũng chẳng thu được hiệu quả gì. Cho nên học bất kỳ thứ nào cũng đều không thể học tạp, không thể học loạn, mà phải nhất môn thâm nhập. Đặc biệt là Phật pháp, Phật pháp và thế gian pháp không giống nhau. Thế gian pháp là từ trong ý thức lưu lộ ra, tâm - ý - thức, những thứ từ trong ý thức lưu lộ ra thì không hề giống nhau. Đây chính là vọng tâm mà vừa rồi đã nói, mỗi người một cái tâm, mỗi người một cách nghĩ, cách nhìn nhận của mỗi người đều khác nhau. Vì thế những thứ của thế gian, bạn học thứ này thì không biết thứ kia, đúng như câu nói: “khác nghề như cách núi”. Phật pháp là từ trong tâm tánh lưu lộ ra, cho nên vô lượng vô biên Phật pháp đều là một dạng như nhau, nó lưu lộ ra từ tâm tánh, mà tâm tánh là một chứ không phải hai, đây chính là cái gọi là “một kinh thông thì tất cả kinh đều thông”, đạo lý của nó chính ở chỗ này. Chúng ta phải biết rõ sự thật này, một kinh thông thì tất cả kinh đều thông, vậy thì tôi chỉ cần học một bộ kinh là được rồi! Đợi đến khi bộ kinh này của tôi thông suốt, thì tất cả các kinh khác cũng tự nhiên thông. Đây chính là điểm khác biệt giữa Phật pháp và thế gian pháp: thế gian pháp học một thứ thì không thể thông đạt thứ khác, còn Phật pháp học một pháp thì có thể thông đạt hết thấy mọi pháp. Nói thật ra, không những tất cả Phật pháp đều thông, mà tất cả thế gian pháp cũng đều thông. Tại vì sao tất cả thế gian pháp cũng đều thông? Bởi vì tất cả nhân tâm ở thế gian, đều là từ chân tâm biến hiện ra. Điều này giống như vừa rồi đã nói, ở trong một pháp này mà bạn đã thông đạt rồi, khi đã thông đạt, thì trí huệ và đức năng của chính bạn sẽ hiện tiền. Trí huệ chính là Bát-nhã trí huệ; đức năng là gì? Là Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm, Thần túc, thấy đều hiện tiền. Trong tâm người ta khởi tâm động niệm như thế nào, bạn đều biết rõ. Chân có thể thấu hiểu vọng, nhưng vọng không thể thấu hiểu chân. Người tu hành thời xưa hiểu được đạo lý này, biết được phương pháp này, cho nên họ thành tựu rất nhanh. Người thời nay lại không biết.

Phật pháp là phải khai trí huệ. Trí huệ khai mở bằng cách nào? Có người đi đọc “Đại Tạng Kinh”, cái gì cũng học, cho rằng trí huệ đã khai rồi, kỳ thực cái gì cũng học thì cũng khai thật, nhưng là khai mở được “Sở tri chướng”. Thanh Lương đại sư trong “Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao” nói rất hay: “Hữu giải vô hành” (có hiểu mà không có thực hành). Hành là chân chánh buông xuống, xả bỏ, đó mới là hành. Nếu chỉ một bề lo tìm hiểu, quảng học đa văn (học rộng nghe nhiều), mà không chịu chân thật tu hành, thì sẽ “tăng trưởng tà kiến”, tà kiến chính là Sở tri chướng; ngược lại, “hữu hành vô giải, tăng trưởng vô minh” (có thực hành mà không thấu hiểu, thì tăng trưởng vô minh), cả hai bề đều có lỗi lầm. Cho nên giải và hành phải cùng tiến. Chỗ này chúng ta giảng là Quán hành, quán chính là giải, Quán và Hành phải cùng tiến. Tịnh Tông đích thực có tình trạng đặc thù của nó, không giống với các tông phái khác. Các tông phái khác nếu không thể thâm giải (hiểu sâu), viên giải (hiểu viên mãn), thì không có cách nào khởi tu; nói cách khác, không biết phải bắt tay vào từ đâu. Tịnh Tông dù không có thâm giải, viên giải cũng vẫn được, chỉ cần thật thà niệm Phật thì họ cũng có thể vãng sanh. Chính vì như thế, nên mười phương chư Phật thấy đều tán thán. Nguyên nhân vì sao? Chúng ta đã đọc trong “Kinh Vô Lượng Thọ”, hóa ra họ trong quá khứ đã vun bồi thiện căn sâu dày từ vô lượng kiếp đến nay, cho nên khi nghe đến pháp môn này họ liền sinh tâm hoan hỷ, họ có thể buông xuống vạn duyên, nhất tâm xưng niệm, và họ được vãng sanh. Đó chính là thiện căn phước đức nhân duyên của họ, trên “Kinh Di Đà” có giảng: “Bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc” (không thể dùng chút ít thiện căn phước đức nhân duyên mà được sanh về nước đó). Thiện căn phước đức nhân duyên của người ấy vô cùng sâu dày, cơ hội thành Phật của họ đã chín muồi ngay trong đời này, đó tuyệt đối không phải là chuyện ngẫu nhiên. Thế pháp hay Phật pháp đều không có chuyện gì là ngẫu nhiên cả, điều này chúng ta nhất định phải thấu hiểu rõ ràng.

“Thiền định” trong Lục độ, chính là như bây giờ chúng ta thường nói: trong tâm có chủ tể, không bị ngoại cảnh làm dao động, đó chính là Định. Phần sau của bốn kinh (Kinh Kim Cang) có nói “Như như bất động”, đó là Định; “Bất thủ u tướng” (không chấp lấy tướng), đó là Huệ, đó chính là Bát-nhã trí huệ. Không chấp lấy tướng; cảnh giới bên ngoài ngày nay, như vừa rồi tôi đã nói, sức lực cám dỗ của môi trường vô cùng lớn lao. Không chấp là như thế nào? Là tôi không nhiễm trước, trong tâm tôi quyết định không dính mắc, quyết

không bị nó làm cho dao động, đây chính là “Bất thủ tướng” (không chấp tướng).

Thập nguyện (Mười nguyện) lại cao hơn một bậc, Thập nguyện được kiến lập trên nền tảng của Lục độ. Bởi vì Thập nguyện hoàn toàn là trí huệ, là huệ hành, cho nên Thập nguyện không dễ tu. Nền tảng của Thập nguyện là thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, quảng đại tâm, đó là chân tâm, quyết định không phải vọng tâm. Tu Lục độ, chúng ta vẫn có thể dùng Bát thức (tám thức) và năm mươi một tâm sở, có thể dùng để tu Lục độ; thế nhưng, Bát thức và năm mươi một tâm sở lại không thể dùng để tu Thập nguyện. Nguyên nhân vì sao? Thập nguyện là dành cho ai tu? Là Pháp thân Đại sĩ. Phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân, thì tất cả những hạnh mà vị ấy tu sau đó đều là Thập nguyện, đều gọi là Phổ Hiền hạnh. Tâm của vị ấy đã “Phổ” (rộng khắp) rồi; Phổ là bình đẳng, Hiền là thanh tịnh. Ngày nay tâm chúng ta vẫn còn phân biệt, còn chấp trước, vậy thì không “phổ”, cũng không “thanh tịnh”. Không phổ, không thanh tịnh, thì hạnh của chúng ta cùng lắm chỉ dừng lại ở Lục độ, mà Lục độ là hạnh sở tu của Quyền giáo Bồ Tát. Phổ Hiền hạnh mới là hạnh sở tu của Pháp thân Đại sĩ, điều này chúng ta phải nhìn nhận cho rõ, thấu hiểu cho tường tận. Ngày nay chúng ta đọc Phổ Hiền Hạnh Nguyện, tâm luôn hướng về cảnh giới ấy, chính là ý nghĩa này. Chúng ta biết Pháp thân Đại sĩ có phương pháp tu hành của các Ngài, tâm ta liền hướng về; dẫu rằng chưa làm được, nhưng cũng hy vọng được tiến gần hơn một chút, như vậy cũng đã rất tốt rồi. Cho nên phải thường thường nghĩ đến phương pháp hành trì của Bồ Tát Phổ Hiền, phải mở rộng tâm lượng của chính mình ra.

“Lễ kính”, chúng ta đích thực phải học hỏi, học cách đem tâm cung kính của mình đối với chư Phật để đối đãi với hết thảy chúng sanh. Hãy hạ thủ từ chỗ này, trước tiên hãy học điều này, đem tâm lượng mở rộng ra. Đem hết thảy chúng sanh đều xem như Phật, Bồ Tát mà đối đãi, đây chính là điều thứ nhất trong tu Phổ Hiền hạnh: tu lễ kính. Phạm phu thì chỉ có một mình ta; trên con đường của Phổ Hiền đạo cũng chỉ có một người tu, chứ không có hai người. Thiện Tài đồng tử trải qua năm mươi ba lần tham học cũng chỉ có một mình ngài, Thiện Tài không có bạn đồng hành, có bạn đồng hành thì ngài không thể thành tựu. Có bạn đồng hành thì sao? “Bạn cũng giống như tôi”, vậy thì sự lễ kính của ngài ấy sẽ không được viên mãn. Trừ bản thân tôi ra, tất cả mọi chúng sanh đều là Như Lai, đều là chư Phật, sự lễ kính này mới được viên mãn. Không những tất cả hữu tình chúng sanh là Phật, là Như Lai, là Lão sư (người thầy);

mà tất cả mọi động vật, thực vật, “tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí” (loài có tình thức và loài vô tình đều trọn vẹn Nhất thiết chủng trí), cũng đều là Phật, đều là Như Lai, đều là thiện tri thức. Những bậc thiện tri thức vô tình này đã dạy cho ta điều gì? “Hoa Nghiêm Kinh” có nói: “Lư hương là thiện tri thức, cây nến là thiện tri thức, cái bàn là thiện tri thức, cái ghế là thiện tri thức.” Đây là ý nghĩa gì? Khi chúng ta nhìn thấy cây nến, nó dạy ta điều gì? Dạy ta xả kỷ vị nhân (hy sinh bản thân vì người khác), đốt cháy chính mình để soi sáng cho người khác. Đây là điều cây nến đã dạy cho ta, vậy thì sao nó lại không phải là thiện tri thức chứ! Nhìn thấy hoa, hoa dạy tôi điều gì? Tu nhân chứng quả. Ra hoa trước, kết quả sau, hoa tượng trưng cho Lục độ vạn hạnh. Bất luận là nhìn thấy hoa ở nơi đâu, thấy đều biểu đạt ý nghĩa này. Tuyệt đối không được nói rằng hoa bày trên Phật đường mới là biểu pháp, còn hoa bên ngoài thì không phải, nói vậy là bạn sai rồi. Tất cả hoa nhìn thấy ở mọi nơi, bất kể là cây thân thảo, cây thân gỗ, thậm chí là hoa trên tranh vẽ, hay là bông hoa in trên y phục ngày nay, thấy đều biểu thị ý nghĩa này, không có thứ gì là không biểu pháp cả. Rồi sau đó bạn mới hiểu ra rằng, chư Phật Bồ Tát, thiện tri thức ở khắp mọi nơi. Bạn mới thực sự may mắn làm sao! Người ta một vị Phật cũng không gặp được, còn bạn suốt ngày từ sáng đến tối đều có hàng ngàn hàng vạn chư Phật bầu bạn cùng bạn, bạn làm sao mà không thành tựu cho được? Sự tu học Phật pháp là phải bắt đầu tu học từ chỗ này. Đây chỉ là lấy một ví dụ để minh họa, Phổ Hiền hạnh chính là tu pháp như vậy.

“Càng thêm tinh tấn, lấy việc trải qua mọi sự việc để rèn luyện tâm.” “Sự” là gì? Chính là trong đời sống hằng ngày, qua những việc vụn vặt trong cuộc sống, dùng từng ly từng tí những sự việc vụn vặt ấy để rèn tâm; rèn luyện tâm thanh tịnh, rèn luyện tâm bình đẳng, rèn luyện tâm từ bi, rèn luyện tâm chân thành, như vậy là thành công rồi, đây mới gọi là chân thật tu hành. Người tu hành chúng ta ngày nay, đã hoàn toàn bỏ lơ tầng ý nghĩa này, thấy đều chỉ chú trọng bề nổi, thấy đều qua loa lấy lệ trên bề mặt sự tướng; còn người thực sự dụng công là dụng công ở ngay trên tâm địa.